TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Ông Hà Đức Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Ma Thị Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 247/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn B, xã B1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hà Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị K và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã N, huyện C. Sau khi kết hôn chị K, anh T chung sống tại thôn B, xã B1, huyện C. Ngay từ sau khi kết hôn giữa chị K và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa do anh T thường hay đi chơi, uống rượu về đến nhà thì gây sự, đánh chị K. Chị K và anh T chung sống

không hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị K không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị K và anh T có 01 con chung là Hoàng Thanh T1, sinh ngày 18/6/2015. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Hà Thị K được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Ngọc Hội, huyện C. Sau khi kết hôn anh T, chị K chung sống tại thôn B, xã B1, huyện C. Anh và chị K chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Chị K xin ly hôn anh Hoàng Văn T nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh T và chị K có 01 con chung là Hoàng Thanh T1, sinh ngày 18/6/2015. Khi ly hôn anh T nhất trí để chị K nuôi dưỡng con chung, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến trình bày của con chung trên 07 tuổi: Tại bản tự khai, biên bản ghi ý kiến của con chung cháu Hoàng Thanh Thiên trình bày nguyện vọng muốn được mẹ là Hà Thị K trực tiếp nuôi dưỡng khi chị K và anh T ly hôn.

Tại phiên tòa chị Hà Thị K và anh Hoàng Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Hà Thị K: Xử cho chị Hà Thị K được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thanh T1, sinh ngày 18/6/2015 cho chị Hà Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn

T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Hà Thị K và anh Hoàng Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Hà Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn T; Anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn cùng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị K, anh Hoàng Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/2015 tại UBND xã Ngọc Hội, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại thôn B, xã B1, huyện C cho thấy: Anh Hoàng Văn T kết hôn với chị Hà Thị K và cùng chung sống tại thôn B, xã B1, huyện C được một thời gian thì anh T, chị K xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách anh T, chị K không hợp nhau, anh T uống rượu say về nóng tính có chửi mắng, đánh vợ. Khi mâu thuẫn xảy ra anh T, chị K không báo đến tổ hòa giải của thôn để hòa giải. Từ năm 2017 chị K đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Ngọc Hội, huyện C sinh sống. Anh T cũng sống ly thân với chị K từ năm 2017 đến nay. Từ năm 2017, anh T, chị K đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại bản tự khai chị Hà Thị K và anh Hoàng Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị K, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị K, xử cho chị Hà Thị K được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Hà Thị K và anh Hoàng Văn T có 01 con chung là cháu Hoàng Thanh T1, sinh ngày 18/6/2015. Chị K có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; anh T nhất trí để chị K nuôi dưỡng cháu T1, không cấp dưỡng nuôi cháu Thiên cùng chị K. Tại bản trình bày ý kiến cháu Hoàng Thanh T1 có nguyện vọng được mẹ Hà Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hoàng Thanh T1 cho chị Hà Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của chị K, anh T và cháu Thiên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị K và anh Hoàng Văn T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Hà Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Hà Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị K được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thanh T1, sinh ngày 18/6/2015 cho chị Hà Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Hà Thị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị K đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0005456 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nay được chuyển thành tiền án phí. Chị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị K và anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã N (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc